

Tác động của di dân các dân tộc thiểu số đến môi trường xã hội

Đặng Thị Ánh Tuyết¹, Nguyễn Văn Vĩ²

¹ Viện Xã hội học và Phát triển, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

Email: quanlyvienxahoihoc@gmail.com

² Học viện Chính trị, Bộ Quốc phòng.

Email: nguyenvanhvct@gmail.com

Nhận ngày 5 tháng 9 năm 2019. Chấp nhận đăng ngày 10 tháng 10 năm 2019.

Tóm tắt: Từ sau năm 1975 di dân của vùng đồng bào dân tộc thiểu số ở nước ta diễn ra khá mạnh, trên tất cả các loại hình, tính chất đa dạng. Từ 1986 đến nay, đã có một số lượng rất lớn người dân các dân tộc thiểu số thuộc các tỉnh vùng núi phía Bắc di cư vào Tây Nguyên. Di dân của người dân các dân tộc thiểu số tác động đến môi trường xã hội trên các khía cạnh, như: sinh hoạt cộng đồng làng xã, dòng họ, giáo dục, chăm sóc sức khỏe và hoạt động văn hóa... Sự tác động của di dân các dân tộc thiểu số đến môi trường xã hội, vừa có yếu tố tích cực và tiêu cực đan xen, đa dạng.

Từ khóa: Di dân, dân tộc thiểu số, tác động, môi trường xã hội.

Phân loại ngành: Xã hội học

Abstract: Since 1975, the migration of ethnic minorities in Vietnam has been quite strong, taking place in diverse forms. Since 1986, a large number of ethnic minority people from the northern mountainous provinces have moved to the Central Highlands. Migration of ethnic minority people affects the social environment in various aspects, such as village community activities, clans, education, health care, and cultural activities. The impact of ethnic minority migration on the social environment has both positive and negative factors which are intertwined and diversified.

Keywords: Migration, ethnic minorities, impacts, social environment.

Subject classification: Sociology

1. Mở đầu

Môi trường xã hội có nội hàm, ngoại diên khá rộng và được tiếp cận ở nhiều góc độ

khác nhau. Tuy nhiên, khi bàn đến môi trường xã hội thường đề cập đến các yếu tố chủ yếu, như: cộng đồng làng xã, dòng họ, giáo dục, chăm sóc sức khỏe và hoạt động

văn hóa, văn nghệ. Bài viết này nghiên cứu tác động của di dân các dân tộc thiểu số đến môi trường xã hội trên các khía cạnh: mạng lưới quan hệ xã hội, không gian sinh hoạt cộng đồng làng xã, dòng họ, giáo dục, chăm sóc sức khỏe của các dân tộc thiểu số.

2. Tác động đến địa vực cư trú, quan hệ xã hội

Việt Nam có 54 dân tộc, các cộng đồng dân tộc tuy sống đan xen, song cũng có địa vực cư trú nhất định. Địa vực cư trú chủ yếu của dân tộc Tày, Nùng là các tỉnh Cao Bằng, Lạng Sơn; địa vực cư trú của dân tộc Thái, Mông chủ yếu ở vùng Tây Bắc, tập trung ở các tỉnh Sơn La, Lai Châu, Điện Biên, Hà Giang; địa vực cư trú của dân tộc Chăm ở vùng Nam Trung Bộ, tập trung ở các tỉnh Ninh Thuận, Bình Thuận; địa vực cư trú của dân tộc Khmer sống chủ yếu ở miền Tây Nam Bộ; địa vực cư trú của dân tộc Giáy, Ráy, Ba Na ở các tỉnh Tây Nguyên.

Trong những thập kỷ gần đây, địa vực cư trú của các dân tộc thiểu số đã có sự dịch chuyển do di cư tạo nên. Chẳng hạn, trên địa bàn Tây Nguyên, năm 1976 có 18 dân tộc, năm 1993 có 35 dân tộc, năm 2014, có 46 dân tộc (tăng từ 18 dân tộc năm 1976 lên 46 dân tộc, năm 2014). Trên địa bàn Tây Nguyên hiện nay, các dân tộc thiểu số chiếm khoảng 35,3% dân số; gồm các dân tộc Giáy, Ráy, Ê Đê, Ba Na, Cơ Ho, Nùng, Xơ Đăng, Tày, Mông, Dao... Các dân tộc Giáy, Ráy, Ê Đê, Ba Na, Cơ Ho, Xơ Đăng, Mông là những dân tộc bản địa, với địa vực cư trú là các tỉnh thuộc Tây Nguyên. Các dân tộc: Nùng, Tày, Mông,

Dao... di cư tự do từ các tỉnh miền núi phía Bắc đến Tây Nguyên. Hiện tại, trên địa bàn Tây Nguyên, dân tộc Nùng chiếm tỷ lệ khoảng 2,9% số dân, dân tộc Tày chiếm tỷ lệ khoảng 2,0% số dân, dân tộc Mông chiếm tỷ lệ khoảng 1,0% số dân [2]. Như vậy, di cư trong đồng bào dân tộc thiểu số những thập kỷ vừa qua đã làm “xáo trộn” địa vực sống của từng dân tộc, tạo nên sự đan xen dân tộc trên các địa bàn của cả nước, nhất là địa bàn Tây Nguyên. Bản đồ địa - dân tộc của nước ta đã có diện mạo mới. Thực tế đó rất cần có những điều tra, xây dựng lại bản đồ địa - dân tộc của đất nước ta hiện nay.

Di cư trong đồng bào dân tộc thiểu số những thập kỷ vừa qua đã tạo nên sự đan xen dân tộc trên các địa bàn của cả nước, tạo môi trường xã hội thuận lợi cho việc giao lưu giữa các dân tộc. Người Giáy, Ráy, Ê Đê, Ba Na, Cơ Ho, Xơ Đăng, Mông ở Tây Nguyên không chỉ biết về người Nùng, Tày, Mông, Dao ở vùng núi phía Bắc qua sách báo hoặc truyền khẩu, mà được giao tiếp trực tiếp, qua đó nhận được những tập tính dân tộc của các dân tộc anh em, xóa đi những định kiến dân tộc trước đây. Sự đan xen các dân tộc tạo môi trường xã hội thuận lợi cho việc giao lưu học hỏi lẫn nhau giữa các dân tộc, xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc ở từng địa bàn và trên phạm vi cả nước.

Từ các tỉnh thuộc địa bàn vùng rừng núi phía Bắc, đồng bào các dân tộc Nùng, Tày, Mông, Dao di cư vào Tây Nguyên sinh sống. Sự di cư đó không chỉ mở rộng không gian sinh tồn mà còn góp phần vào mở rộng phạm vi liên hệ xã hội, gia tăng mạng lưới quan hệ xã hội cho cá nhân, cho đồng bào

các dân tộc thiểu số. Người Nùng, Tày, Mông, Dao đang sống ở Tây Bắc, Việt Bắc cũng có thể có liên hệ, quan hệ với đồng bào Giá Rai, Ê Đê, Ba Na, Cơ Ho, Xơ Đăng, Mnông đang sống ở Tây Nguyên thông qua mối liên hệ của đồng bào mình đã di cư đến Tây Nguyên. Đồng thời, quan hệ hôn nhân giữa các dân tộc cũng tạo thêm lực làm gia tăng mạng lưới quan hệ xã hội của đồng bào các dân tộc. Di dân đã mở rộng mạng lưới quan hệ xã hội, gia tăng phạm vi hoạt động xã hội của các dân tộc thiểu số; đồng thời làm gia tăng tính đa dạng, phức tạp quan hệ xã hội trong đồng bào dân tộc thiểu số.

3. Tác động đến mạng lưới và phạm vi hoạt động xã hội

Ở một số địa phương thuộc các tỉnh vùng núi phía Bắc, các huyện phía tây tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh... một số dân tộc thiểu số di cư sang Trung Quốc, Lào, Campuchia. Vào những tháng cuối năm, một số người dân tộc thiểu số ở các tỉnh Lạng Sơn, Cao Bằng, Hà Giang... sang Trung Quốc lao động. Theo báo cáo của huyện Tương Dương tỉnh Nghệ An, từ năm 2010 đến 2017 đã có 305 hộ, 1.855 khẩu người dân tộc Mông di dân sang Lào để làm ăn, sinh sống. Hình thái chủ yếu của di dân quốc tế trong các dân tộc thiểu số là di dân lao động, di dân mùa vụ, song cũng có một tỷ lệ nhỏ định cư ở nước ngoài. Trong số người di dân sang Lào của huyện Tương Dương tỉnh Nghệ An, chỉ có 159 hộ (chiếm 52,31% tổng số hộ di dân sang Lào), 971 khẩu (chiếm

51,51% tổng số khẩu di dân sang Lào) trở về Việt Nam [2]. Di dân quốc tế của dân tộc Mông ở tỉnh Nghệ An đã mở rộng mạng lưới quan hệ xã hội và phạm vi hoạt động xã hội ra khỏi biên giới, sang Lào. Như vậy, di dân đã làm gia tăng thêm tính đa dạng, phức tạp quan hệ xã hội mang tính quốc tế của các dân tộc thiểu số.

4. Tác động đến tính cộng đồng dân tộc thiểu số

Di dân theo nhóm là đặc điểm chung của các dân tộc thiểu số tham gia di cư. Với di dân có kế hoạch là sự di chuyển dân theo bản làng. Về cơ bản, các khu, cụm tái định cư là những hộ dân trong cùng một bản làng, cùng một dân tộc, đã sống chung với nhau nhiều đời ở nơi ở cũ. Vì thế, đến nơi ở mới, tính cộng đồng dân tộc, bản làng được giữ vững, phát huy. Tính cộng đồng dân tộc sẽ được gia cố, bổ sung và phát huy khi mà mọi người trong bản, dòng họ giúp đỡ, cưu mang nhau vượt qua những khó khăn, trở ngại ở nơi tái định cư. Đã có dòng họ, bản làng bổ sung nội dung quy ước, những quy định trong quan hệ cộng đồng.

Với di dân không kế hoạch, cộng đồng dân tộc, dòng họ cùng tham gia di cư sẽ dần bọc nhau tại nơi ở mới. Họ cố kết với nhau để cùng sinh tồn, để bảo vệ các tập tính dân tộc của mình. Trên thực tế, sự cố kết theo nhóm nhỏ cộng đồng dân tộc, dòng họ của cộng đồng dân tộc thiểu số di dân không kế hoạch gia tăng theo thời gian định cư ở nơi ở mới. Họ tự đề ra một số quy định mới để gia tăng sự cố kết cộng đồng. Đồng

thời, những người dân, các dòng họ tham gia di dân còn giữ mối liên hệ với quê hương, dòng họ nơi họ ra đi bằng nhiều hoạt động cụ thể, thiết thực. Họ tuy xa quê nhưng vẫn có mối liên hệ với quê hương, dòng họ và khi cần thiết họ đều tham gia. Khảo sát ở các tỉnh Lạng Sơn, Hà Giang, Sơn La... cho thấy đã có không ít người trở lại quê hương tham gia lễ hội dân tộc, sinh hoạt dòng họ. Nhiều người trở lại quê hương đón những người thân để sum họp, đoàn tụ gia đình, dòng họ sau một thời gian di dân, có cuộc sống tạm ổn định.

Khảo sát ở Nghệ An cho thấy, các hộ người Mông di dân không kế hoạch sang Lào không chỉ mở rộng mạng lưới quan hệ xã hội, mà còn tạo ra sự liên kết dân tộc của người Mông sinh sống ở Việt Nam và Lào, tạo nên tính cộng đồng dân tộc xuyên biên giới. Trong đồng bào dân tộc Mông ở tây Nghệ An, một số huyện của hai nước trên biên giới Việt - Lào là “địa vực cư trú” của dân tộc họ [2]. Trên thực tế, từ xa xưa, một số địa phương của Việt Nam và Lào trên biên giới Việt - Lào đã là địa vực cư trú của dân tộc Mông. Giữa họ có quan hệ huyết thống. Vì thế, trong tiềm thức của người Mông, không có biên giới quốc gia giữa Việt Nam và Lào.

Trên biên giới phía Bắc nước ta, từ xa xưa, một số dân tộc thiểu số có quan hệ thân tộc với một số dân tộc bên Trung Quốc, vì họ cùng chung một dân tộc thiểu số. Ngày nay, với việc di dân không kế hoạch, chủ yếu là di dân lao động của dân tộc thiểu số trên biên giới phía Bắc gia tăng sẽ “hâm nóng”, “củng cố” quan hệ thân tộc dân tộc có từ trước nhưng bị gián đoạn sau

chiến tranh biên giới phía Bắc năm 1979. Việc bình thường hóa quan hệ Việt - Trung đã tạo môi trường thuận lợi cho việc gia cố quan hệ dân tộc, dòng họ giữa các dân tộc thiểu số của hai nước Việt - Trung. Trên thực tế, những người dân tộc thiểu số ở các tỉnh biên giới phía Bắc di dân lao động sang Trung Quốc thường có sự liên hệ dòng họ, dân tộc với người dân tộc thiểu số bên Trung Quốc. Trong xu thế toàn cầu hóa hiện nay, với việc mở rộng quan hệ với các quốc gia trên thế giới, tính cộng đồng quốc tế của một số dân tộc thiểu số sẽ gia tăng cùng với dòng di dân không kế hoạch của họ. Đây là một xu thế, cần có sự quản lý, kiểm soát, giám sát.

5. Tác động tới hoạt động giáo dục

Để thực hiện các công trình thủy điện, phải di dời số lượng dân không nhỏ. Ở tỉnh Nghệ An, thực hiện dự án các thủy điện như Bản Vẽ, Khe Bó, Nậm Sơn huyện Tương Dương, Hòa Na huyện Quế Phong, tỉnh đã di dời 4.837 hộ, với 21.739 khẩu. Chỉ tính riêng huyện Tương Dương đã di dời 3500 hộ, với 16.342 khẩu. Thực hiện dự án thủy điện Sơn La, tỉnh Sơn La đã di dời 12.584 hộ, với 56.337 nhân khẩu đến 70 khu, 276 điểm tái định cư [2]. Tuy rằng, việc di dân để làm thủy điện là có kế hoạch, và các khu tái định cư đã được đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, trong đó có cơ sở giáo dục song việc bảo đảm cho hoạt động giáo dục còn gặp nhiều khó khăn, trở ngại. Báo cáo về di dân của các địa phương đều khẳng định, việc nâng cao trình độ dân trí cho người dân

tộc thiểu số tham gia di dân có kế hoạch còn nhiều trở ngại, khó khăn.

Theo báo cáo của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, giai đoạn 2005-2017 đã có 58.846 hộ di dân đến Tây Nguyên, chiếm tỷ lệ 88,11% số hộ di dân của cả nước. Ở tỉnh Đắk Lắk, từ năm 2005 đến năm 2018 có 1.748 hộ, 8.669 khẩu di dân không kế hoạch đến định cư ở tỉnh. Trong đó, huyện Ea Súp là 844 hộ, 4.481 khẩu, chiếm tỷ lệ 52,0% số di dân đến [1]. Tính từ năm 2004 đến năm 2017, huyện Mường Nhé tỉnh Điện Biên đã có 2.253 hộ dân đến định cư. Với số lượng di dân đến nhiều như vậy thì không một địa phương nào có thể đáp ứng số trường, lớp học cho các đối tượng này trong thời gian ngắn. Sự gia tăng mật độ dân số trong khoảng thời gian không dài ở một số địa bàn do di dân của dân tộc thiểu số đã tạo nên áp lực rất lớn đối với ngành giáo dục nói riêng, với các địa phương cơ sở nói chung trong việc phổ cập giáo dục, nâng cao trình độ dân trí.

Việc phổ cập giáo dục, nâng cao trình độ dân trí cho người dân tộc thiểu số tham gia di dân còn gặp nhiều khó khăn, trở ngại bởi vì, những hộ dân này, nhất là hộ dân di dân không kế hoạch thường đến cư trú ở vùng sâu, vùng xa, vùng rừng núi và sống phân tán theo nhóm nhỏ, rải rác trên một phạm vi rộng. Theo số liệu điều tra, trong mẫu điều tra của đề tài, trình độ học vấn của chủ hộ rất thấp: mù chữ 16,5%, chưa học xong tiểu học 14,3%, tốt nghiệp tiểu học 14,2%, chưa học xong trung học cơ sở 13,7%, tốt nghiệp trung học cơ sở 17,2%. Như vậy, chỉ tính riêng trình độ học vấn từ mù chữ đến tốt nghiệp tiểu học chiếm tỷ lệ 45,0% [2]. Từ đó đặt ra vấn đề là phải thực hành trước hết là “xóa mù chữ”, sau đó mới tính đến việc nâng cao trình độ học vấn, trình độ dân trí

cho người dân tộc thiểu số di dân không kế hoạch.

Hiện tại, cơ sở giáo dục ở các địa phương có đông đồng bào di cư không kế hoạch đến định cư còn thiếu và yếu kém. Có thể thấy rất rõ rằng, cơ sở giáo dục, hoạt động nâng cao trình độ học vấn cho người dân tộc thiểu số di dân, nhất là di dân không kế hoạch đã và đang gặp nhiều khó khăn, trở ngại, chưa có nhiều giải pháp tháo gỡ hiệu quả.

Vấn đề rất bức thiết hiện nay ở các địa phương có đông đồng bào dân tộc thiểu số di dân không kế hoạch đến định cư là phải gia tăng cơ sở giáo dục, huy động được người dân trong độ tuổi đi học. Nếu không chú trọng phát triển cơ sở giáo dục, không huy động được trẻ em đến trường thì hậu quả sẽ khôn lường. Giả định, tất cả con em đồng bào dân tộc thiểu số di dân không kế hoạch không được đến trường, thì 20, 30 năm nữa sẽ có khoảng hàng triệu công dân là người dân tộc thiểu số “thất học”, “mù chữ”. Đối nghèo - thất học - không có đất sản xuất sẽ theo đuổi các hộ dân tộc thiểu số di cư không kế hoạch. Đó sẽ là vấn đề chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh trong chính sách dân tộc, đoàn kết dân tộc của Đảng, Nhà nước, của các địa phương.

Việc xóa mù chữ cho người dân tộc thiểu số di dân không kế hoạch sẽ không dễ, bởi vì phần đông đó là các hộ nghèo. Họ còn chưa đủ ăn, đủ mặc, chưa có đất ở cố định, chưa có đất sản xuất nên không thể cho con em đến trường học chữ. Hơn nữa, quá trình di cư đã làm cho “con chữ” của con em họ rơi rụng nhiều nên khó có thể tiếp thu tri thức ở các bậc học tiếp theo. Một điểm đáng chú ý là, phần đông con em dân tộc thiểu số di dân không thông thạo

tiếng phổ thông, trong khi đó đội ngũ giáo viên ở cơ sở không có nhiều người thông thạo tiếng dân tộc như tiếng Mông, Dao. Xóa mù chữ, nâng cao trình độ học vấn, trình độ dân trí cho người dân tộc thiểu số di dân không kế hoạch đã và đang là bài toán khó của các địa phương có đông người dân tộc thiểu số di dân đến định cư và là một nhiệm vụ chính trị cực kỳ quan trọng, cấp thiết của hệ thống chính trị cơ sở của các địa phương này. Di dân không kế hoạch đã góp phần “hạ thấp” môi trường giáo dục của các địa phương có đông người dân tộc thiểu số đến định cư.

6. Tác động tới hoạt động chăm sóc sức khỏe toàn dân

Di dân của các dân tộc thiểu số không chỉ tạo ra áp lực xã hội rất lớn cho giáo dục, mà còn tạo ra áp lực rất lớn cho hoạt động chăm sóc sức khỏe toàn dân ở các địa phương có đông người dân tộc thiểu số đến định cư.

Với các khu, điểm tái định cư theo kế hoạch, do được chuẩn bị trước nên cơ sở hạ tầng, thiết chế xã hội chăm lo sức khỏe cho người dân tộc thiểu số khá đầy đủ, hoạt động khá hiệu quả. Tuy vậy, với việc mật độ dân số gia tăng nhanh trên một địa bàn cũng đã tạo áp lực rất lớn cho hệ thống chính trị ở cơ sở đối với việc chăm lo sức khỏe nhân dân. Công tác tuyên truyền, vận động, tổ chức cho nhân dân bảo vệ môi trường sinh thái, phòng chống dịch bệnh gặp khó khăn hơn trước, nhất là việc ngăn chặn phá hoại môi trường tự nhiên, xâm hại cảnh quan thiên nhiên. Việc khám chữa bệnh cho người dân còn nhiều trắc trở do cơ

sở vật chất, hạ tầng y tế chưa được bảo đảm đủ về số lượng, chất lượng.

Đối với di dân không kế hoạch của các dân tộc thiểu số, việc chăm lo sức khỏe cho người dân còn nhiều khó khăn, trở ngại hơn, có những hoạt động gần như không thể thực hiện được. Còn có không ít các điểm tụ cư, các hộ dân chưa được bảo đảm về môi trường, về y tế. Về cơ bản, ở các điểm tụ cư không phép của các dân tộc thiểu số chưa có cơ sở y tế, vì thế việc khám chữa bệnh ban đầu cho người dân gặp nhiều khó khăn. Đồng thời, với nhận thức và tập tục còn lạc hậu, chứa nhiều hủ tục thì việc đến các cơ sở y tế để khám chữa bệnh chưa là ý thức thường trực, chưa là “thói quen” của người dân một số dân tộc thiểu số tham gia di dân không kế hoạch. Với các hộ dân này, họ thường tụ cư ở vùng sâu, vùng xa, việc đi lại gặp nhiều khó khăn đã cản trở họ đi đến các cơ sở y tế để khám, chữa bệnh. Hơn nữa, các hộ dân tộc thiểu số di dân không kế hoạch là những hộ nghèo nên họ không muốn đến khám chữa bệnh ở các cơ sở y tế vì lo ngại không có tiền để chi trả. Hiện tại, các địa phương đã triển khai kế hoạch hỗ trợ người nghèo khám chữa bệnh, nhưng vì còn nhiều hộ chưa được quản lý, chưa được đăng ký hộ tịch, hộ khẩu nên công tác này gặp nhiều khó khăn, trở ngại. “Đi không báo”, “đến không trình”, du canh, du cư đang là rào cản cho việc chăm sóc sức khỏe đối với người dân tộc thiểu số di dân không kế hoạch.

Vùng sâu, vùng xa trên biên giới đất liền là khu vực chưa được bảo đảm tốt về vệ sinh dịch tễ, địa bàn còn chứa nhiều mầm bệnh như sốt rét, bệnh ngoài da... chưa được kiểm soát. Người dân tộc thiểu số di dân không kế hoạch thường chưa có nhiều điều kiện để bảo vệ sức khỏe. Chẩn

chưa đủ ẩm, màn chưa đủ để chống muỗi... là điều kiện sống phổ biến của các hộ người dân tộc thiểu số di dân không kế hoạch. Nơi họ chọn định cư là khu vực nguồn nước và môi trường sinh thái chưa được kiểm soát, dư địa của chiến tranh còn lớn, chất độc hóa học do Mỹ rải chưa được tẩy rửa, thanh lọc, bom mìn chưa được rà phá... Có thể khẳng định rằng, điều kiện sống của các hộ dân tộc thiểu số di dân không kế hoạch rất thấp, chưa được bảo đảm ở mức tối thiểu. Chăm lo sức khỏe cho người dân tộc thiểu số là một hoạt động trọng điểm và là một “gánh nặng” của các địa phương có đông người dân tộc thiểu số di dân không kế hoạch đến định cư. Hoạt động này vượt quá giới hạn của các địa phương, nên cần có sự trợ giúp của Trung ương, của các cấp, các ngành và sự chung tay, chung sức của các địa phương, của nhân dân trong cả nước. Chăm lo sức khỏe cho người dân tộc thiểu số tham gia di dân sẽ còn kéo dài, chưa thể giải quyết trong thời gian ngắn.

7. Kết luận

Tác động của di dân các dân tộc thiểu số đến môi trường xã hội trong bối cảnh hiện

nay là rất rõ, những tác động này vừa có yếu tố tích cực và tiêu cực đan xen. Do đó, vấn đề đặt ra cho các cấp, các ngành của Trung ương và các địa phương có đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống cần ứng dụng và triển khai cách thức quản lý dân cư, quản lý di dân. Phân định và làm rõ các hình thức di cư, trên cơ sở đó có những chủ trương, biện pháp quản lý phát triển các vùng dân tộc thiểu số, giữ vững ổn định và phát triển bền vững môi trường xã hội các vùng dân tộc thiểu số trong tình hình hiện nay.

Tài liệu tham khảo

- [1] Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (2018), “Giải pháp ổn định di cư tự do trên địa bàn cả nước và quản lý, sử dụng đất có nguồn gốc từ nông, lâm trường tại Tây Nguyên”, Tài liệu Hội nghị *Bàn về giải pháp ổn định dân di cư tự do*, Đắk Lắk, tháng 12.
- [2] Khảo sát đề tài: “Di dân của các dân tộc thiểu số - Những vấn đề đặt ra và giải pháp”, Chương trình Khoa học cấp quốc gia 2017-2019, Mã số: CTDT.09.17/16 -20.